

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phân bổ gạo từ nguồn dự trữ Quốc gia
để hỗ trợ nhân dân bị ảnh hưởng do mưa, lũ năm 2018**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1698/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho tỉnh Thanh Hóa bị ảnh hưởng do mưa, lũ năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 211/2013/TT-BTC ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, viện trợ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 3160/SLĐTBXH-BTXH ngày 11/12/2018 về việc đề nghị phân bổ gạo cho người dân bị ảnh hưởng do mưa lũ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ gạo hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia cho tỉnh Thanh Hóa để hỗ trợ nhân dân bị ảnh hưởng do mưa, lũ năm 2018, với nội dung chính như sau:

- Tổng số gạo phân bổ: 2.399.205 kg.
- Mức hỗ trợ: 15kg/người/tháng.
- Số tháng hỗ trợ: không quá 03 tháng.
- Số lượng gạo của các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị có liên quan.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

- Địa điểm giao nhận gạo hỗ trợ: Tại trung tâm xã và các đơn vị được hỗ trợ (nơi có đường ô tô đi đến).

- Thời gian thực hiện: Cấp trực tiếp đến đối tượng xong trước ngày 31/12/2018.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa có trách nhiệm giao gạo theo hình thức đóng bao thuận lợi cấp hỗ trợ cho nhân dân tại trung tâm xã (nơi có đường ô tô đến) để tổ chức cấp kịp thời cho người dân.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố được hỗ trợ có trách nhiệm: Căn cứ vào Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, văn bản hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, chỉ đạo UBND các xã, phường tổ chức bình xét công khai, dân chủ, cấp đúng, cấp đủ số lượng, chất lượng gạo theo tiêu chuẩn quy định cho các hộ được hỗ trợ và có sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể của địa phương. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố sử dụng số gạo được cấp đợt này và nguồn lực của địa phương để thực hiện cấp hỗ trợ gạo cho người dân kịp thời đến từng đối tượng xong trước ngày 31/12/2018; đồng thời phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh trong việc thực hiện, không cấp gạo bình quân, không để hiện tượng tiêu cực, lợi dụng gây thất thoát, lãng phí và phiền hà xảy ra.

3. Sở Tài chính xem xét, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm các huyện đến trung tâm các xã theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện; phối hợp với Sở Tài chính và UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức kiểm tra việc thực hiện cấp phát gạo cho các đối tượng theo đúng quy định hiện hành của nhà nước, thường xuyên theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện về Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa, UBND các huyện và các sở, ngành có liên quan phối hợp chặt chẽ, đồng bộ thực hiện phân bổ gạo hỗ trợ theo đúng quy định, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để t/hành);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.BTXH149

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền



TỔNG HỢP SỐ HỘ, SỐ KHẨU ĐƯỢC HỖ TRỢ LƯƠNG THỰC
(Kèm theo Quyết định số: 5038 /QĐ-UBND ngày 14 /12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Đơn vị	Số hộ, số khẩu đề nghị		Số gạo hỗ trợ 01 khẩu/tháng	Số tháng hỗ trợ	Số gạo hỗ trợ 03 tháng (kg)	Ghi chú
		Số hộ	Số khẩu				
1	Huyện Thạch Thành	754	1.897	15	3	85.365	
2	Huyện Lang Chánh	138	580	15	3	26.100	
3	Huyện Yên Định	367	1.444	15	3	64.980	
4	Huyện Bá Thước	949	3.661	15	3	164.745	
5	Huyện Mường Lát	866	4.211	15	3	189.495	
6	Huyện Quan Hóa	720	3.250	15	3	146.250	
7	Huyện Vĩnh Lộc	613	2.278	15	3	102.510	
8	Huyện Thạch Thành	1.743	6.719	15	3	302.355	
9	Huyện Yên Định	3.537	12.147	15	3	546.615	
10	Huyện Cẩm Thủy	6.895	19.639	15		770.790	
Tổng (I+II+III)		16.582	55.826			2.399.205	

Bảng chữ: Hai nghìn ba trăm chín mươi chín tấn hai trăm linh năm kilogam./.